

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ- ST

Ngày 05/11/2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Kim.

Bà Nguyễn Thị Lại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hà - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/ 2020/ TLST- HNGĐ ngày 08/6/2020, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXX- ST ngày 05 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20 ngày 23/10/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991. Có mặt.

HKTT: Số nhà 476, đường T, Khu ..., thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tòa nhà ..., Số 36 P, phường M, quận B, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đỗ Xuân B – Công ty Luật TNHH Hoàng Phú. Có mặt.

Địa chỉ: Tầng 5, Số đường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn Quý, sinh năm 1993. Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà, đường T, Khu ..., thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: chị H kết hôn với anh Trịnh Văn Q tháng 02/2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm và sống trên Hà Nội, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, kể từ sinh con đến tháng 9/2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ điều kiện kinh tế,

anh Q có chửi bới đánh đập chị, bố mẹ anh Q hắt hủi vì chị nuôi con nhỏ không làm ra tiền. Anh Q đi làm nhưng không mang tiền về nuôi con mà thường xuyên rượu chè, cờ bạc thâu đêm, kinh tế phụ thuộc gia đình nhà chồng. Tháng 8/2019 anh Q đánh đập chị khi chị đang bế con. Vì không có chỗ nương tựa nên chị đã mang con về ở An Hồng, An Dương, Hải Phòng nương nhờ bố mẹ đẻ và gửi con để bố mẹ đẻ chăm sóc và lên Hà Nội làm việc. Trong thời gian con ở quê gia đình chồng và chồng không gọi điện hỏi thăm con cháu. Đến ngày 06/11/2019 gia đình nhà chồng đã vẽ mưu bắt cóc con trai tạm Trại y tế An Hồng ngay trên tay mẹ chị và đã đẩy mẹ chị ngã phải đi nhập viện. Kể từ ngày 06/11/2019 chị tìm mọi cách liên lạc nhưng không được. Chị có về thăm con nhưng bị hắt hủi, giấu con và gia đình anh Q vu khống cho chị theo trai nên không cho chị gặp con. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh Q theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Duy A, sinh ngày 29/9/2017 hiện nay đang ở với anh Q, đời sống, sức khỏe của con như thế nào chị không được biết vì gia đình và anh Q đã ngăn cản và tước đoạt quyền làm mẹ của chị. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, hiện chị H làm nhân viên đối ngoại kiêm giáo viên dạy tiếng nhật cho Công ty xuất khẩu lao động, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 25.000.000đồng/ 1tháng. Hiện chị H thuê nhà sống chung cùng các bạn, làm việc giờ hành chính không phải làm thêm ngoài giờ, không phải đi công tác nước ngoài.

Tài sản, ruộng canh tác, công nợ không có vướng mắc gì, sau khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Văn Q trình bày: Anh Q và chị Nguyễn Thị H kết hôn có tình cảm sau thời gian 03 năm, có thỏa thuận, hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng ra Hà Nội làm việc và thuê nhà ở đó. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Đến khoảng đầu năm 2019 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có mối quan hệ tình cảm với người khác nên hai vợ chồng đã xảy ra cãi nhau, không xảy ra xô xát. Khi xảy ra mâu thuẫn thì vợ chồng có ngồi với nhau để tìm cách khắc phục mâu thuẫn, gia đình anh cũng hòa giải nhưng không thành. Chị H đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở Hải Phòng. Giữa năm 2019 gia đình anh có xuống Hải Phòng với mong muốn là đón mẹ con chị H về đoàn tụ nhưng gia đình chị H đã không gặp mặt, đóng cửa không tiếp. Khi chị H đưa con về nhà mẹ đẻ thì để con cho ông bà ngoại nuôi còn chị H đi làm ở Hà Nội. Suốt thời gian đó, con anh do bố mẹ chị H chăm sóc, không phải chị H trực tiếp chăm sóc. Đến khi anh biết tin con anh bị ốm thì anh có xuống đón con về tại trạm y tế do bố mẹ chị H không cho anh gặp và đón con. Anh nhiều lần động viên chị H về đoàn tụ, đón chị H không về. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn anh Q đồng ý, anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Duy A sinh ngày

29/9/2017. Hiện tại cháu Duy A đang ở cùng anh Q và bố mẹ anh từ khoảng tháng 11/2019, điều kiện sống tốt, cháu phát triển bình thường. Ly hôn anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Gia đình anh chỉ có bố mẹ, anh và cháu Duy A sống chung. Bố mẹ anh kinh doanh hàng ăn sáng, thu nhập khá và ổn định. Anh Q hàng ngày phụ giúp bố mẹ bán hàng và có chung vốn mở cửa hàng nước với chú ruột tại huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và ở xã Quang Châu, Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Thỉnh thoảng anh Q có xuống quán để quản lý công việc của quán. Thu nhập khoảng 30.000.000đồng /1 tháng. Khi anh không có nhà thì bố mẹ anh trực tiếp chăm sóc cho con cho anh. Chị H không sống chung cùng bố mẹ ở Hải Phòng mà làm việc tại Hà Nội nên điều kiện chăm sóc con không được toàn diện bằng anh.

Tài sản, ruộng canh tác, công nợ không có vướng mắc gì, sau khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng có ý thức chấp hành pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí; Xử:

-Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Văn Q.

-Con chung: Giao cho anh Trịnh Văn Q được nuôi con chung của vợ chồng là Trịnh Duy A, sinh ngày 29/9/2017. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

-Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trịnh Văn Q có hộ khẩu thường trú tại số nhà ..., đường T, Khu, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/ 02/ 2017 tại UBND thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H thấy: Chị H và anh Q kết hôn với nhau đã có thời gian chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị H trình bày là do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng hay xảy ra tranh cãi, theo anh Q trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do chị H có quan hệ tình cảm với người khác, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình đã dàn xếp nhưng không có kết quả. Nay chị H và anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh Q nhất trí. Sau khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải đề chị H và anh Q về đoàn tụ nhưng chị H và anh Q đều không có nguyện vọng đoàn tụ và hai bên nhất trí thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Q là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Vì vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Văn Q là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Duy A, sinh ngày 29/9/2017 nay đang ở với anh Q đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị Hg và anh Q đều nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H và anh Q sau khi ly hôn là có căn cứ, anh Q và chị H đều có thu nhập hàng tháng. Tuy nhiên, hiện nay con chung đang ở với anh Q cùng gia đình đời sống được đảm bảo, anh Q có chỗ ở ổn định, ngoài anh Q chăm sóc con ra còn có bố mẹ anh Q hỗ trợ trong việc chăm nom, dạy dỗ cháu Duy A. Xác minh tại trường nơi cháu Duy A đang theo học, nhà trường cho biết hiện nay cháu Duy A phát triển đúng tiêu chuẩn, học tập tốt, không có biểu hiện về tâm lý cũng như sinh hoạt, nhận thức, sức khỏe. Đối với chị H hiện nay đang phải thuê nhà ở chung cùng các bạn, hơn nữa chị H yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cho chị theo quy định của pháp luật. Như vậy xét về điều kiện kinh tế cũng như chỗ ở của chị H không đảm bảo so với anh Q. Để đảm bảo sự ổn định cuộc sống không bị xáo trộn cũng như sự phát triển bình thường và tạo điều kiện cho cháu Duy A được phát triển tốt về mọi mặt, cần giao anh Trịnh Văn Q được nuôi con chung của vợ chồng là phù hợp pháp luật. Do anh Q không yêu cầu nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Q. Chị Nguyễn Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Chị H và anh Q không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí; Xử:

-Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Văn Q.

-Con chung: Giao cho anh Trịnh Văn Q được nuôi con chung của vợ chồng là Trịnh Duy A, sinh ngày 29/9/2017. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trịnh Văn Q.

Chị Nguyễn Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

-Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001187 ngày 08/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. (Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- CCTHADS huyện Việt Yên;
- UBND TT. B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Vũ Văn Hợp